

Số: 41 /HD-CDN

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Công tác tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ Luật Công đoàn, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (Nghị định số 59/2023/NĐ-CP), Điều lệ Công đoàn Việt Nam và Hướng dẫn số 37/HD-TLĐ ngày 24/12/2024 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Tổng Liên đoàn), Công đoàn Giáo dục (CĐGD) Việt Nam hướng dẫn công tác tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (Ban TTND) như sau:

I. TỔ CHỨC BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân

1.1. Ban TTND được thành lập ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục (*sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị*) có tổ chức công đoàn và do hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (CBCCVCNLD) hoặc hội nghị người lao động (NLD) bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban TTND là 02 năm.

1.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có từ 07 CBCCVCNLD trở xuống hoặc trong các trường hợp đặc thù thì không tổ chức Ban TTND; ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị sau khi thống nhất với người đứng đầu cơ quan, đơn vị báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp bằng văn bản. Công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định và thông báo ý kiến cho công đoàn cơ quan, đơn vị biết trong thời hạn không quá 15 ngày.

1.3. Cơ quan, đơn vị có công đoàn sinh hoạt ghép thì ban chấp hành công đoàn sinh hoạt ghép sau khi thống nhất với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định có thể thành lập Ban TTND theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thành lập Ban TTND thì ban chấp hành công đoàn sinh hoạt ghép phân công cho 01 đồng chí cán bộ công đoàn ở cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ của Ban TTND ở từng cơ quan, đơn vị.

1.4. Khuyến khích công đoàn các doanh nghiệp ngoài nhà nước, trường ngoài công lập đề xuất, phối hợp với ban lãnh đạo đơn vị áp dụng thống nhất các quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, hướng dẫn của công đoàn cấp trên và Điều lệ của doanh nghiệp, đơn vị để quy định việc tổ chức, hoạt

động Ban TTND trong quy chế thực hiện dân chủ và công khai nội dung áp dụng cho người lao động được biết. Phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện không được trái hoặc hạn chế quyền thực hiện dân chủ của người lao động được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và pháp luật khác có liên quan.

2. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Thanh tra nhân dân

2.1. Số lượng, cơ cấu thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Số lượng thành viên Ban TTND là số lẻ, có từ 3 đến 9 thành viên theo đề nghị của ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đại diện khác của người lao động ở doanh nghiệp nhà nước (nếu có). Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị báo cáo cấp ủy dự kiến số lượng thành viên Ban TTND để trình hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD quyết định.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù hoặc hoạt động phân tán thì căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, tính chất tổ chức, hoạt động và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, sau khi thống nhất với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp và báo cáo cấp ủy, ban chấp hành công đoàn đề xuất hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD quyết định số lượng thành viên Ban TTND nhiều hơn và là số lẻ, nhưng không quá 15 thành viên để bảo đảm hoạt động hiệu quả.

Cơ cấu Ban TTND ở cơ quan, đơn vị có dưới 09 thành viên thì Ban TTND gồm có Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và các Ủy viên; trường hợp số lượng thành viên Ban TTND từ 09 thành viên trở lên, Ban TTND gồm có Trưởng ban, 01 hoặc 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Thành viên Ban TTND là người đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cơ quan, đơn vị; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật, tự nguyện tham gia Ban TTND. Thành viên Ban TTND không đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; người đại diện có thẩm quyền, thành viên ban lãnh đạo, điều hành của doanh nghiệp nhà nước; kế toán trưởng của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban TTND, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị tìm hiểu, lựa chọn đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự để bầu thành viên Ban TTND, đảm bảo người tham gia Ban TTND còn thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đủ 01 nhiệm kỳ Ban TTND hoặc trường hợp cần thiết thì giới thiệu người còn thời gian đủ 12 tháng tính đến kỳ hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD lần kế tiếp.

3. Bầu, công nhận thành viên Ban Thanh tra nhân dân

3.1. Chuẩn bị nhân sự bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị giới thiệu nhân sự, lập danh sách dự kiến bầu Ban TTND với cơ cấu hợp lý; phải chủ động gặp gỡ, tìm hiểu nguyện vọng người dự kiến được đề cử bầu vào Ban TTND. Nhân sự dự kiến bầu Ban TTND phải là đoàn viên công đoàn, nên có thời gian công tác, làm việc tại cơ quan, đơn vị ít nhất đủ 01 năm tính đến ngày được bầu.

3.2. Quy trình bầu cử thành viên Ban Thanh tra nhân dân

- Việc bầu cử thành viên Ban TTND được tiến hành tại hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD; khi bầu thành viên Ban TTND phải đảm bảo có ít nhất là hai phần ba tổng số CBCCVCNLD của cơ quan, đơn vị hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập tham dự.

- Chủ trì hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD:

+ Lấy ý kiến hội nghị và biểu quyết số lượng thành viên Ban TTND; mời đại diện ban chấp hành công đoàn giới thiệu danh sách dự kiến nhân sự bầu vào Ban TTND; mời đại biểu dự hội nghị ứng cử, đề cử; chốt và thông qua danh sách bầu cử. Danh sách đề cử nhân sự bầu thành viên Ban TTND bầu tròn hoặc có thể có số dư tối đa 20% so với số thành viên được bầu; việc bầu thành viên Ban TTND được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết do hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD quyết định.

+ Thống nhất số lượng, dự kiến danh sách Ban bầu cử và lấy biểu quyết của hội nghị.

+ Ban bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo quy định về bầu cử của tổ chức Công đoàn.

+ Người trúng cử thành viên Ban TTND phải có trên 50% tổng số người dự hội nghị đồng ý bầu và được lựa chọn theo tỷ lệ phần trăm phiếu đồng ý bầu từ cao xuống thấp.

3.3. Công nhận thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD bầu thành viên Ban TTND, ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị phải tổ chức cuộc họp của Ban TTND để bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban.

Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLD bầu thành viên Ban TTND, ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị ra quyết định công nhận Ban TTND và thông báo cho CBCCVCNLD trong cơ quan, đơn vị biết, đồng thời hướng dẫn bàn giao giữa Ban TTND nhiệm kỳ cũ và Ban TTND nhiệm kỳ mới.

4. Cho thôi làm nhiệm vụ và kiện toàn thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Trong nhiệm kỳ nếu có thành viên Ban TTND vì lý do sức khỏe, vì hoàn cảnh gia đình, hay lý do chính đáng khác mà có đơn xin thôi tham gia Ban TTND; hoặc thành viên Ban TTND được bổ nhiệm vào chức danh người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của cơ quan, đơn vị; người đại diện có thẩm quyền, thành viên ban lãnh đạo, điều hành, kế toán trưởng của doanh nghiệp, hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác thì ban chấp hành công đoàn thông báo cho toàn thể CBCCVNLD biết; báo cáo với hội nghị CBCCVNLD hoặc hội nghị NLĐ gần nhất để quyết định cho thôi nhiệm vụ thành viên đó với hình thức biểu quyết.

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, hoặc không còn được tin nhiệm thì ban chấp hành công đoàn đề nghị hội nghị CBCCVNLD hoặc hội nghị NLĐ gần nhất quyết định cho thôi nhiệm vụ thành viên đó với hình thức bỏ phiếu kín.

Trong nhiệm kỳ nếu Ban TTND thiếu quá 1/3 tổng số thành viên thì ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị đề nghị kiện toàn, bầu bổ sung số thành viên khuyết tại hội nghị CBCCVNLD hoặc hội nghị NLĐ gần nhất; trường hợp đặc biệt ban chấp hành công đoàn đề xuất với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp tổ chức hội nghị đại biểu CBCCVNLD hoặc hội nghị đại biểu NLĐ bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban TTND. Số lượng đại biểu hội nghị bất thường bầu bổ sung thành viên Ban TTND đảm bảo ít nhất bằng 51% đại biểu dự hội nghị CBCCVNLD hoặc hội nghị NLĐ thường kỳ trước đó bầu Ban TTND, được lựa chọn từ các phòng, ban, đơn vị. Trường hợp đặc biệt ban chấp hành công đoàn và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp xem xét, quyết định, đảm bảo tính đại diện, dân chủ trong việc bầu bổ sung thành viên Ban TTND.

Ban chấp hành công đoàn giới thiệu danh sách dự kiến nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban TTND.

Việc bầu bổ sung thành viên Ban TTND được thực hiện như quy trình như mục 2.2 tại phần I của Hướng dẫn này.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND quy định tại Điều 61, Điều 78 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; nghị quyết hội nghị CBCCVNLD hoặc hội nghị NLĐ và nghị quyết của ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị, Ban TTND xây dựng chương trình công tác theo năm và cụ thể hóa theo từng quý, 6 tháng và gửi cho ban chấp hành công đoàn trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ

ngày ký; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể báo cáo ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị và thông báo đến đối tượng kiểm tra, giám sát chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát.

Chương trình công tác phải có các nội dung cơ bản: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác.

Khi xây dựng chương trình công tác năm đồng thời phải xây dựng kèm theo dự toán kinh phí hoạt động; căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính, hướng dẫn của Tổng Liên đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương trình, kế hoạch hoạt động phải được tập thể Ban TTND thảo luận, thống nhất và được ban chấp hành công đoàn ban hành quyết định phê duyệt; một bản gửi cho ban chấp hành công đoàn, một bản gửi cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp biết để hỗ trợ, tạo điều kiện thực hiện.

Ban TTND báo cáo ban chấp hành công đoàn điều chỉnh, bổ sung chương trình công tác để phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

2. Xác định phạm vi và nội dung kiểm tra

2.1. Đối với cơ quan, đơn vị

Căn cứ Điều 49, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 61 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị hướng dẫn Ban TTND xác định phạm vi kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể CBCCVCNLD; các nội dung mà tập thể CBCCVCNLD đã bàn và quyết định quy định tại Điều 49 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trọng tâm là:

- Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của CBCCVCNLD tại cơ quan, đơn vị ngoài các khoản đã được pháp luật quy định.
- Việc thực hiện nội dung nghị quyết hội nghị CBCCVCNLD.
- Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan, đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

2.2. Đối với doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ Điều 67, khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 78 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp hướng dẫn Ban TTND xác định phạm vi kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể người lao động; kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà tập thể người lao động đã bàn và quyết định quy định tại Điều 67 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trọng tâm là:

- Nội dung thương lượng tập thể đã được thống nhất và ký kết theo quy định của pháp luật.

- Việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể.

- Việc lập các loại quỹ và thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản từ thu nhập, đóng góp của người lao động.

- Việc thực hiện nội dung nghị quyết của hội nghị NLĐ.

- Các nội dung tự quản khác trong nội bộ doanh nghiệp nhà nước không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

3. Xác định phạm vi và nội dung giám sát

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 và khoản 2 Điều 75 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, để thực hiện nhiệm vụ giám sát có chất lượng, hiệu quả phù hợp trong điều kiện Ban TTND hoạt động kiêm nhiệm, phạm vi giám sát cần tập trung vào những nội dung sau đây:

- Những nội dung đã được nghị quyết hội nghị CBCCVCNLD hoặc hội nghị NLĐ thông qua.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCCVCNLD theo quy định của pháp luật.

- Kết quả đối thoại định kỳ, đối thoại theo yêu cầu được xác lập tại biên bản đối thoại; việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể.

- Việc thực hiện và xử lý các phản ánh, kiến nghị của CBCCVCNLD, kết quả kiểm tra, giám sát, xác minh của Ban TTND.

- Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước của người đứng đầu; nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.

- Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị.

4. Xác minh vụ việc theo đề nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị hướng dẫn Ban TTND thực hiện xác minh vụ việc theo quy định tại khoản 4 Điều 61 và khoản 4 Điều 78 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trọng tâm là:

- Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của CBCCVCNLD có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban TTND; xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo đề nghị của CBCCVCNLD của cơ quan, đơn vị, gồm:

+ Những vụ việc gây bức xúc trong cơ quan, đơn vị hoặc các hành vi vi phạm quyền, lợi ích của CBCCVCNLD tại cơ quan, đơn vị.

+ Những vụ việc liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, liên quan đến quyền, lợi ích của CBCCVCNLD qua theo dõi, phản ánh phát hiện có vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

- Phải nghiên cứu và xác định đúng mục đích, yêu cầu, nội dung và phạm vi xác minh; địa điểm, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xác minh.

- Phân công thành viên nghiên cứu nội dung xác minh, các quy định hiện hành của Nhà nước, của cơ quan, đơn vị liên quan đến nội dung xác minh.

- Đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp yêu cầu các phòng, ban, bộ phận có liên quan cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung xác minh (trừ những nội dung thuộc bí mật Nhà nước theo quy định); trao đổi, đối thoại với người có trách nhiệm liên quan đến nội dung xác minh để làm rõ nội dung xác minh.

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của CBCCVCNLD cần phải xử lý ngay thì lập biên bản báo cáo ban chấp hành công đoàn trước khi kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết.

5. Phương thức hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

5.1. Tổ chức thu thập, tiếp nhận, tổng hợp và phân tích thông tin

Ban TTND tổ chức thu thập, tiếp nhận, tổng hợp và phân tích thông tin phản ánh từ các nguồn: Do CBCCVCNLD kiến nghị, phản ánh trực tiếp; qua hòm thư góp ý hoặc hình thức phù hợp khác về các nội dung trong phạm vi kiểm tra, giám sát, xác minh; qua nghiên cứu văn bản tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh; làm việc với đơn vị, cá nhân liên quan đến kiến nghị, phản ánh để đánh giá tính xác thực của nội dung phản ánh, kiến nghị. Ban TTND tổng hợp, phân tích đối chiếu với các quy định pháp luật, quy định, quy chế nội bộ để đánh giá việc thực hiện; đề xuất kiến nghị với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp xem xét, giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

5.2. Tiến hành kiểm tra, giám sát, xác minh theo chương trình, kế hoạch

Ban TTND xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, xác minh, gồm: Xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh; thời gian, địa điểm kiểm tra, giám sát, xác minh; Trưởng đoàn và thành viên tham gia kiểm tra, giám sát, xác minh; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc kiểm tra, giám sát, xác minh.

Ít nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành cuộc kiểm tra, giám sát, xác minh, phải gửi kế hoạch cuộc kiểm tra, giám sát, xác minh đến ban chấp hành công đoàn, người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp để người đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp chỉ đạo đối tượng được kiểm tra, giám sát, xác minh phối hợp, tạo mọi điều kiện để Ban TTND thực hiện nhiệm vụ.

Gặp gỡ trực tiếp người được kiểm tra, giám sát, xác minh (đối với cá nhân) hoặc người phụ trách, điều hành bộ phận được kiểm tra, giám sát, xác minh trao đổi về phạm vi nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh (đối với tập thể); đề nghị cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh; phân công thành viên đọc, nghiên cứu tài liệu, đối chiếu với quy định pháp luật, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh; tiến hành trao đổi, đối thoại với người có trách nhiệm ở nơi kiểm tra, giám sát, xác minh để làm rõ vấn đề còn thiếu thông tin.

5.3. Lập báo cáo kiểm tra, giám sát, xác minh

Đánh giá mức độ việc chấp hành quy định pháp luật, quy định nội bộ; xác định mặt được, mặt tồn tại, thiếu sót về công tác quản lý, điều hành, thực hiện của bộ phận hoặc cá nhân được kiểm tra, giám sát, xác minh; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục thiếu sót, tồn tại. Nội dung báo cáo cuộc kiểm tra, giám sát, xác minh phải được ít nhất 75% thành viên tham gia cuộc kiểm tra, giám sát, xác minh tán thành. Báo cáo cuộc kiểm tra, giám sát, xác minh phải được Ban Chấp hành Công đoàn xác nhận trước khi gửi người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp xem xét, giải quyết.

Căn cứ các quy định pháp luật của Nhà nước, quy định nội bộ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh, các tài liệu, chứng cứ và thông tin thu thập được; tổng hợp, phân tích, đối chiếu, đánh giá, đưa ra các nhận định cụ thể: đối tượng kiểm tra, giám sát, xác minh thực hiện các quy định như thế nào; nội dung nào thực hiện đúng, nội dung nào thực hiện chưa đúng, nội dung nào thực hiện trái quy định; nguyên nhân vi phạm; đề xuất, kiến nghị biện pháp giải quyết.

Lập báo cáo kiểm tra, giám sát, xác minh gồm nội dung kiến nghị biện pháp giải quyết, đề nghị ban chấp hành công đoàn xác nhận báo cáo kiểm tra, giám sát, xác minh và gửi cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp xem xét, giải quyết.

Trường hợp phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

5.4. Giám sát người đứng đầu xem xét, giải quyết các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị của Ban TTND, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND.

Khi nhận được kết quả giải quyết kiến nghị của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp gửi tới, Ban TTND thông báo công khai kết quả giải quyết kiến nghị theo hình thức quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm và báo cáo với ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị.

5.5. Phối hợp hoạt động

Ban TTND giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với người đứng đầu, người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp và CBCCVCLĐ ở cơ quan, đơn vị, ban đại diện của tổ chức đại diện khác của người lao động ở cơ sở (nếu có) để kịp thời tiếp nhận ý kiến, phản ánh, tổng hợp, đối chiếu, xác minh và kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

5.6. Công tác báo cáo định kỳ

Ban TTND có trách nhiệm định kỳ báo cáo ban chấp hành công đoàn ở cơ quan, đơn vị kết quả thực hiện nhiệm vụ quý, 06 tháng, năm, nhiệm kỳ hoặc khi có yêu cầu; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm tại hội nghị CBCCVCLĐ hoặc hội nghị NLĐ.

6. Chế độ làm việc của Ban Thanh tra nhân dân

Để hoạt động của Ban TTND có nền nếp, trách nhiệm, thiết thực, hiệu quả, Ban TTND phải xây dựng, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, gồm những nội dung chính sau:

- Chế độ làm việc (họp định kỳ, đột xuất, báo cáo...).
- Nguyên tắc hoạt động.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó ban và các thành viên Ban TTND trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Mọi quan hệ giữa Ban TTND với ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị.

- Mọi quan hệ giữa Ban TTND với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp.

- Mọi quan hệ phối hợp giữa Ban TTND với ủy ban kiểm tra công đoàn cơ quan, đơn vị (nếu có).

- Mọi quan hệ giữa Ban TTND với CBCCVNLD trong cơ quan, đơn vị.

- Mọi quan hệ giữa Ban TTND với ban đại diện của tổ chức đại diện khác của người lao động ở cơ sở (nếu có).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Trách nhiệm chung

Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 và khoản 2 Điều 81, Điều 88 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Đối với kiến nghị của Ban TTND liên quan đến nội dung giải quyết việc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của CBCCVNLD; có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, sử dụng sai mục đích tài chính, tài sản và các khoản đóng góp, quỹ phúc lợi của CBCCVNLD thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban TTND thì ban chấp hành công đoàn yêu cầu Ban TTND cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến từng nội dung của kiến nghị, đồng thời nghiên cứu, xem xét kiến nghị của Ban TTND:

- Khi thấy đủ cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của cơ quan, đơn vị thì làm văn bản gửi cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết và theo dõi việc xem xét, giải quyết.

- Khi có nội dung kiến nghị chưa đủ cơ sở để kiến nghị thì đề nghị Ban TTND bổ sung tài liệu, chứng cứ để củng cố lập luận cho nội dung kiến nghị đó, nếu không có tài liệu, chứng cứ bổ sung thì thống nhất với Ban TTND đưa nội dung đó ra khỏi bản kiến nghị.

1.2. Đối với kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách, tổ chức hoạt động của Ban TTND và những vấn đề khác, ban chấp hành công đoàn cần kịp thời giải quyết hoặc kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết để tạo điều kiện, kịp thời động viên, khích lệ hoạt động của Ban TTND.

1.3. Hỗ trợ kinh phí và đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị, ban lãnh đạo doanh nghiệp hỗ trợ một phần kinh phí và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho tổ chức, hoạt động của Ban TTND; khen thưởng và đề nghị khen thưởng đối với Ban TTND, thành viên Ban TTND, tổ chức, cá nhân khác đạt thành tích trong hoạt động thanh tra nhân dân.

2. Đối với cơ quan, đơn vị không tổ chức Ban Thanh tra nhân dân

Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ của Ban TTND ở cơ quan, đơn vị không tổ chức Ban TTND theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này, ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị phân công 01 (một) hoặc 02 (hai) đồng chí phụ trách công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ của Ban TTND theo quy định của pháp luật.

IV. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động TTND thì được xét khen thưởng hoặc đề nghị xét khen thưởng theo quy định.

2. Các tập thể và cá nhân vi phạm quy định trong hoạt động TTND tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Công đoàn Giáo dục Việt Nam

- Tuyên truyền, quán triệt về tổ chức và hoạt động Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và Hướng dẫn số 37/HD-TLĐ ngày 24/12/2024 của Tổng Liên đoàn đến công đoàn các cấp, đoàn viên công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong phạm vi quản lý.

- Xây dựng, ban hành Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban TTND.

- Tổ chức tập huấn về tổ chức và kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động Ban TTND cho cán bộ công đoàn và các thành viên Ban TTND ở các đơn vị trực thuộc.

- Hàng năm kiểm tra, giám sát công tác hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức hoạt động Ban TTND và việc thực hiện Hướng dẫn này.

- Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả tổ chức và hoạt động Ban TTND trong các đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức tổng kết đánh giá tình hình kết quả tổ chức và hoạt động Ban TTND theo chỉ đạo của Tổng Liên đoàn.

2. Trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt về tổ chức và hoạt động Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và Hướng dẫn này đến công đoàn các cấp, đoàn viên công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong phạm vi quản lý.

- Chủ trì và phối hợp với cơ quan có chuyên môn tổ chức tập huấn về tổ chức và kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động Ban TTND cho cán bộ công đoàn và các thành viên Ban TTND ở các đơn vị trực thuộc.

- Hằng năm kiểm tra, giám sát công tác hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức hoạt động Ban TTND và việc thực hiện Hướng dẫn này.

- Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả tổ chức và hoạt động Ban TTND trong các đơn vị trực thuộc.

- Hướng dẫn, kiểm tra ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị về tổ chức và hoạt động Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt về tổ chức và hoạt động Ban TTND ở các cơ quan, đơn vị quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và Hướng dẫn này đến công đoàn các cấp, đoàn viên công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong phạm vi quản lý.

- Thực hiện trách nhiệm của ban chấp hành công đoàn đối với tổ chức và hoạt động của Ban TTND theo quy định của pháp luật và Hướng dẫn này.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 02/HD-CĐN ngày 30/01/2018 của Ban Thường vụ CĐGD Việt Nam về việc tổ chức và hoạt động của Ban TTND trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Giáo dục.

Hướng dẫn được phổ biến tới ban chấp hành công đoàn các cơ quan, đơn vị trực thuộc CĐGD Việt Nam. ✓

Nơi nhận:

- Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Thường trực CĐGDVN;
- Các ban, Văn phòng CĐGDVN;
- Các công đoàn trực thuộc;
- Lưu: VT; CSPL&QHLD.



Nguyễn Ngọc Ân